

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18-4-2018

V/v Ly hôn giữa chị T và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Đoàn Thu Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 229/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2018, Quyết định hoàn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 - Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khương D, sinh năm 1989 - Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Khương D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 02/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do anh D không quan tâm đến gia đình, chơi bời bỏ vợ con đi theo người khác. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Khương D có một người con chung là Nguyễn Thảo M, sinh ngày 12/10/2013 hiện tại đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Anh Nguyễn Khương D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận các văn bản hợp lệ nhưng Anh Nguyễn Khương D không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh D và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng đủ người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và nội dung tranh tụng tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Khương D.
- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 12/10/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác.
- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn Anh Nguyễn Khương D đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Khương D có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 02/4/2013 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa hợp, anh D không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Dẫn đến hôn nhân giữa chị T, anh D ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị T được ly hôn anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Khương D có một con chung là Nguyễn Thảo M, sinh ngày 12/10/2013. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Khương D không có mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, đồng thời anh D cũng không có bản khai trình bày về nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo tính ổn định và quyền lợi về mọi mặt của con, cần tiếp tục giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy, anh D vắng mặt tại Tòa án, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh D chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Khương D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 12/10/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Khương D tạm thời chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/05718 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 04/12/2017.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Trung